

Số : 299/BV-VTTYT

Hà Đông, ngày 18 tháng 03 năm 2023

V/v : Mời báo giá hóa chất máy xét nghiệm

**Kính gửi: Các Công ty kinh doanh hóa chất xét nghiệm**

Căn cứ nhu cầu khám chữa bệnh của bệnh viện. Bệnh viện đa khoa Hà Đông đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng bổ sung hóa chất xét nghiệm (Có danh mục kèm theo). Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu trên, Bệnh viện đề nghị quý công ty báo giá các mặt trên.

1. Thời gian nhận báo giá : Chậm nhất trước 9h00 ngày 7/04/2023

2. Hình thức nhận báo giá

- Báo giá bằng văn bản, có dấu đỏ của công ty gửi về địa chỉ : Bệnh viện đa khoa Hà Đông – Số 2 – Bế Văn Đàn – Quang Trung – Hà Đông – Hà Nội, chỉ nhận báo giá qua văn thư bệnh viện.

- Bản file mềm gửi vào hộp thư : [hoachatbvhd@gmail.com](mailto:hoachatbvhd@gmail.com)

Kính mời các công ty tham gia báo giá. Trân trọng cảm ơn !

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Website bệnh viện
- Lưu: VT, VTTYT

GIÁM ĐỐC *hmt*



GIÁM ĐỐC

*Đào Chiên Liên*

PHỤ LỤC DANH MỤC

(Kèm theo công văn số: 299/BV-VTTBYT ngày 28/3/2023)

STT	Mã HC	Tên nguyên vật liệu hóa chất, hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	7	9	10
1	TT01	Hóa chất tạo dòng chảy trong xét nghiệm huyết học	Dung dịch nắn dòng giúp từng tế bào máu đi qua khu vực phân tích trong phân tích RBC/PLT, hồng cầu lưới, kênh baso. Rửa đường dịch - Thành phần: Chất bảo quản, đệm, chất hoạt động bề mặt - Tiêu chuẩn: ISO 13485	1	Thùng	30
2	TT02	Chất kiểm chuẩn máy huyết học mức bình thường	- Thành phần: hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu mô phỏng và chất bảo quản	1	Lọ	10
3	TT03	Chất kiểm chuẩn máy huyết học mức thấp	- Thành phần: hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu mô phỏng và chất bảo quản	1	Lọ	10
4	TT04	Chất kiểm chuẩn máy huyết học mức cao	- Thành phần: hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu mô phỏng và chất bảo quản	1	Lọ	10
5	TT05	Hóa chất đo các thành phần bạch cầu	- Thành phần: + Perox 1: natri dodecyl sulfate, 0.36 mmol/L, sorbitol, 620 mmol/L, natri clorid 8.35 mmol/L, formaldehyde, 5.7%, BRIJ-35, 0.1 mmol/L, đệm + Perox 2: 4-cloro-1-naphthol, 44.8 mmol/L, diethylene glycol 99.2% + Perox 3: chất ổn định, hydrogen peroxide, 0.3%, + Perox sheath: Propylene glycol, 4.06 mmol/L, chất hoạt động bề mặt - Tiêu chuẩn: ISO 13485	1	Thùng	
6	TT06	Hóa chất đo công thức máu	Hoá chất cho phân tích hồng cầu, tiểu cầu và basophil - Thành phần: + Defoamer: dung dịch silicone, 100% + RBC/PLT: Natri dodecyl sulfate, 0.035 mmol/L, dinatri EDTA dihydrate, 4.03 mmol/L, tetranatri EDTA dihydrate, 3.36 mmol/L, natri clorid, 109.3 mmol/L, glutaraldehyde, 0.11%, đệm + Baso: acid hydroclorid, 9 mmol/L, Phthalic acid, 21.49 mmol/L, chất bảo quản, chất hoạt động bề mặt + CN-free HGB: Dimethyl laurylamide oxide, 2% - Tiêu chuẩn: ISO 13485	1	Thùng	5
7	TT07	Hóa chất rửa máy đông máu	Thành phần: vật liệu rửa; hàm lượng dung môi nước là 99,6% Dạng dung dịch, không màu, không mùi	3	Hộp	20
8	TT08	Hóa chất xét nghiệm APTT	Dùng để đo thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hóa (APTT). - Thành phần có hạt kích hoạt dạng keo (magnesium-aluminium-silicate) cho độ nhạy tối ưu với các yếu tố thiếu hụt và Heparin. Hóa chất cũng chứa Photpholipids với các chất đệm và ổn định. - Calcium Chloride 0.025M : dung dịch canxi Chloride nồng độ 0.025M	3	Hộp	18



*Chme*

9	TT09	Hóa chất xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất cho phép định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương người sử dụng phương pháp Clauss. THROMBIN 100 NIH/ML : Mỗi lọ chứa xấp xỉ 100 đơn vị NIH/1ml bovine thrombin cùng chất ổn định	3	Hộp	9
10	TT10	Hóa chất xét nghiệm PT	Dùng để đo thời gian Prothrombin (PT) Thành phần có mô não thỏ cùng với Canxi Chloride, các chất bảo quản và các chất ổn định	3	hộp	20
11	TT11	Hóa chất sử dụng để pha thuốc thử Thrombin sử dụng cho xét nghiệm Clauss Fibrinogen	Kaolin Suspension được sử dụng để pha thuốc thử Thrombin sử dụng cho xét nghiệm Clauss Fibrinogen Mỗi lọ chứa 100 mL kaolin suspension 0.5 g/L	3	lọ	5
12	TT12	Mẫu QC nội kiểm mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu Thẻ tích đóng gói: 1 ml/lọ, 10 lọ/hộp Thành phần: đệm và huyết tương đông khô của người	3	hộp	10
13	TT13	Mẫu QC nội kiểm mức bình thường N	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu Thẻ tích đóng gói: 1 ml/lọ, 10 lọ/hộp Thành phần: đệm và huyết tương đông khô của người	3	hộp	10
14	TT14	Hóa chất đánh giá thời gian đông máu Thrombin Clotting	Dùng để đánh giá thời gian đông máu Thrombin Time (TT) -Mỗi lọ hóa chất chứa hỗn hợp đông khô của Bovine Thrombin cùng các chất đệm và các chất ổn định. Mỗi lọ hóa chất sau khi hoàn nguyên chứa $\leq 10$ NIH đơn vị/ml thrombin.	3	Hộp	3
15	TT15	Hóa chất xúc tác cho phép định lượng nồng độ Fibrinogen	Là chất xúc tác được sử dụng trong xét nghiệm đông máu cho phép định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương. Hóa chất được sử dụng bằng phương pháp thủ công, trên các máy xét nghiệm đông máu bán tự động hoặc tự động hoàn toàn. Mỗi lọ hóa chất chứa dung dịch Imidazol buffer nồng độ 0.05M cùng với natri chloride và natri azide ( $<0.1\%$ ) như là chất bảo quản PH 7.3+-0.10.	3	Hộp	3



*Handwritten signature or mark at the bottom right corner.*